

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Ngô Ngọc Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972 (có mặt).

HKTT: Ấp K, xã H, huyện L, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 9/15 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Vĩnh P, sinh năm 1971 (có mặt).

HKTT: Số 256 đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 9/15 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ và ông Trần Vĩnh P chung sống như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Từ năm 2016 bà Đ và ông P sống ly thân với nhau cho đến nay. Quá trình chung sống bà Đ và ông P có một con chung là Trần Thụy Bảo

Q, sinh ngày 06/3/2000, hiện do ông P nuôi dưỡng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P, con chung đã thành niên. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Trần Vĩnh P trình bày:

Ông P thống nhất lời trình bày của bà Đ và đồng ý ly hôn theo đơn của bà Đ. Xác định vợ chồng có một con chung là Trần Thụy Bảo Q, sinh ngày 06/3/2000. Về tài sản chung thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Vĩnh P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Vĩnh P là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Xét nội dung đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ:* Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bà Đ và ông P có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Đ và ông P không được công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Bà Đ và ông P có một con chung là Trần Thụy Bảo Q, sinh ngày 06/3/2000. Hiện nay chị Q đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn .

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đ và ông P không có yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0004752 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà Đ đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Vĩnh P là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đ và ông P có một con chung là Trần Thụy Bảo Q, sinh ngày 06/3/2000, đã thành niên.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Đ phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004752 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà Đ đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2018).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKS ND Tp Rạch Giá;
- THA Tp Rạch Giá;
- UBND xã (phường);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đinh Trần Mộng Thúy

